

**CÔNG TY TNHH ORIMEDIC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ORIMEDIC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ORIMEDIC COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109904074

**3. Ngày thành lập:** 10/02/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 332I, Phố Ngõ Quỳnh, Tổ 41, Phường Quỳnh Lôi, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0979328823

Fax:

Email: [info.orimedic@gmail.com](mailto:info.orimedic@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng                                                                                                                                                                                | 4632(Chính) |
| 2.  | Trồng cây có hạt chứa dầu                                                                                                                                                                                                                     | 0117        |
| 3.  | Trồng cây hàng năm khác                                                                                                                                                                                                                       | 0119        |
| 4.  | Trồng cây lấy quả chứa dầu                                                                                                                                                                                                                    | 0122        |
| 5.  | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm                                                                                                                                                                                       | 0128        |
| 6.  | Trồng cây lâu năm khác                                                                                                                                                                                                                        | 0129        |
| 7.  | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                                                                                                                                                                                                           | 0131        |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                                                                                                                  | 0161        |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                                                                                                                                                               | 0163        |
| 10. | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp                                                                                                                                                                                         | 0210        |
| 11. | Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp                                                                                                                                                                                                                  | 0240        |
| 12. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                           | 8299        |
| 13. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược                                                                                                                                                                   | 7213        |
| 14. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp                                                                                                                                                               | 7214        |
| 15. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                             | 4690        |
| 16. | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu                                                                                                                                                                                                         | 2100        |
| 17. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4772        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức         | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VŨ SƠN TÙNG    | Việt Nam  | Số 71 Nguyễn Khuyến, Tò 2, Thị trấn Quế, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam | 300.000.000           | 30,000    | 035091005190                                                                                            |         |

|   |                    |          |                                                                                                                              |             |        |              |  |
|---|--------------------|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------|--------------|--|
| 2 | LÊ TRÍ CUƠNG       | Việt Nam | Số 11 ngách 123/8 ngõ 123, Đường Thụy Phương, TDP Đông Sen, Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 550.000.000 | 55,000 | 001080006754 |  |
| 3 | DƯƠNG THỊ THU HIỀN | Việt Nam | Căn hộ 45 nhà A5 - TT Quân Đội, Bắc Nghĩa Tân, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                   | 150.000.000 | 15,000 | 026182008150 |  |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: VŨ SƠN TÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/09/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 035091005190

Ngày cấp: 06/08/2020

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 71 Nguyễn Khuyến, Tổ 2, Thị trấn Quế, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 332I, Phố Ngõ Quỳnh, Tổ 41, Phường Quỳnh Lôi, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội